

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1493/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia
đặc biệt về công nghệ chiến lược**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 156/TTr-BKHCN ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Công văn số 5852/BKHCN-NAFOSTED ngày 05 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược (sau đây viết tắt là Chương trình) với những nội dung cụ thể sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Lấy phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược được Thủ tướng Chính phủ ban hành làm mục tiêu; lấy thương mại hóa, năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của sản phẩm làm thước đo hiệu quả. Tổ chức thực hiện Chương trình theo chuỗi liên thông từ nghiên cứu, phát triển công nghệ đến sản xuất và thương mại hóa, góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động phát triển công nghệ chiến lược; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng và hỗ trợ; viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học và công nghệ là lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu, phát triển, làm chủ, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm hình thành hệ sinh thái công nghệ chiến lược quốc gia và các doanh nghiệp công nghệ chiến lược có năng lực cạnh tranh quốc tế.

3. Ưu tiên hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong toàn bộ quá trình từ xác định nhu cầu, nghiên cứu, phát triển công nghệ, thử nghiệm, hoàn thiện, sản xuất đến thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược; quản lý Chương trình theo mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động; chấp nhận và chia sẻ rủi ro trong nghiên cứu, phát triển công nghệ; đẩy mạnh hợp tác công - tư, hợp tác quốc tế và huy động đa dạng các nguồn lực xã hội để thực hiện Chương trình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Làm chủ, phát triển, hoàn thiện và thương mại hóa được các sản phẩm công nghệ chiến lược có năng lực cạnh tranh cao, từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển các công nghệ chiến lược, đặc biệt là công nghệ lõi; hình thành hệ sinh thái công nghệ chiến lược, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và năng lực cạnh tranh công nghệ quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Làm chủ tối thiểu 04 công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Phát triển và thương mại hóa tối thiểu 15 sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành; trong đó có tối thiểu 05 sản phẩm được thương mại hóa tại thị trường khu vực hoặc quốc tế, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu;

- Sản phẩm công nghệ chiến lược được thương mại hóa đạt tỷ lệ nội địa hóa khoảng 40%;

- Phát triển tối thiểu 20 doanh nghiệp làm chủ công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược thông qua việc chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình, trong đó có tối thiểu 05 doanh nghiệp có sản phẩm công nghệ chiến lược tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Giai đoạn 2031 - 2035:

- Làm chủ 06 công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Phát triển và thương mại hóa tối thiểu 25 sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành; trong đó có tối thiểu 15 sản phẩm được thương mại hóa tại thị trường khu vực hoặc quốc tế;

- Sản phẩm công nghệ chiến lược được thương mại hóa đạt tỷ lệ nội địa hóa tối thiểu 40%;

- Phát triển tối thiểu 30 doanh nghiệp làm chủ công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược thông qua việc chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình, trong đó có tối thiểu 10 doanh nghiệp có sản phẩm công nghệ chiến lược tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

III. NỘI DUNG

1. Tổ chức xây dựng, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ giao nhằm giải quyết các bài toán lớn của quốc gia; nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nền tảng; hình thành năng lực thiết kế, chế tạo, tích hợp, thử nghiệm, sản xuất và phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược được Thủ tướng Chính phủ ban hành; tạo bước đột phá về năng lực tự chủ công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức xây dựng, lựa chọn và thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo hình thức đặt hàng trên cơ sở yêu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương, doanh nghiệp và các bài toán khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm; tập trung nghiên cứu, phát triển, làm chủ, hoàn thiện công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nền tảng; phát triển, hoàn thiện, thử nghiệm, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ

chiến lược được Thủ tướng Chính phủ ban hành; thúc đẩy hình thành chuỗi nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và sản xuất trong nước.

3. Tổ chức tuyển chọn, tài trợ và thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược nhằm nghiên cứu, khám phá, phát triển công nghệ mới, công nghệ nguồn, công nghệ lõi, công nghệ nền tảng và công nghệ có tính đột phá; phát triển nguyên lý, mô hình, giải pháp, nguyên mẫu, quy trình công nghệ và sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược được Thủ tướng Chính phủ ban hành; tạo nguồn công nghệ và sản phẩm công nghệ chiến lược phục vụ các nhiệm vụ đặt hàng, các dự án đầu tư phát triển và hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, sản xuất và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc quyết định áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hoặc đối với những vấn đề phát sinh mà quy định của pháp luật hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược nhằm mục tiêu làm chủ công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược ban hành của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hỗ trợ thương mại hóa và phát triển thị trường cho sản phẩm công nghệ chiến lược

- Thúc đẩy cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước ưu tiên đặt hàng, mua sắm, thuê, sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược được phát triển trong khuôn khổ Chương trình theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn; phát triển năng lực đo lường, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận đối với sản phẩm công nghệ chiến lược, bảo đảm đồng bộ với tiến độ thực hiện nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu đưa sản phẩm ra thị trường.

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu công nghệ, quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường trong nước, quốc tế; thúc đẩy sản phẩm công nghệ chiến lược tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ chiến lược, đặc biệt là doanh nghiệp đầu chuỗi, hợp tác với doanh nghiệp nhỏ và vừa, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ, hình thành chuỗi liên kết phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Khuyến khích xác định ngay từ khi xây dựng nhiệm vụ cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp dự kiến tiếp nhận, thử nghiệm, ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ; trường hợp chưa xác định được thì phải xây dựng phương án phát triển thị trường và thương mại hóa sản phẩm sau khi nhiệm vụ hoàn thành.

4. Phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế phục vụ Chương trình

- Tuyển chọn, sử dụng và đãi ngộ Tổng công trình sư, chuyên gia, nhà khoa học xuất sắc và nhân lực chất lượng cao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, cập nhật và khai thác mạng lưới chuyên gia công nghệ chiến lược trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phục vụ tuyển chọn chuyên gia, Tổng công trình sư, thành viên hội đồng tư vấn và nhân sự chủ chốt thực hiện nhiệm vụ.

- Xác định nhu cầu nhân lực chất lượng cao của các nhiệm vụ thuộc Chương trình; gắn kết với các chương trình, đề án đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển, làm chủ, chuyển giao và đồng phát triển công nghệ chiến lược; thu hút chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tham gia thực hiện nhiệm vụ; tăng cường tham gia

hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế, thừa nhận lẫn nhau về kết quả thử nghiệm, kiểm định và chứng nhận đối với sản phẩm công nghệ chiến lược.

5. Theo dõi, đánh giá và điều phối thực hiện Chương trình

- Xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi, quản lý và tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu về đề xuất, nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược và kết quả thực hiện để phục vụ quản lý, điều hành, chia sẻ thông tin và phòng ngừa trùng lặp.

- Tổ chức điều tra, đánh giá định kỳ năng lực làm chủ công nghệ chiến lược, năng lực phát triển và sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược của Việt Nam làm căn cứ xác định mục tiêu, xây dựng danh mục nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Tổ chức theo dõi, đánh giá và điều phối việc thực hiện Chương trình theo mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động; quản lý thống nhất danh mục nhiệm vụ theo từng nhóm, lĩnh vực công nghệ chiến lược; kịp thời rà soát, cập nhật, điều chỉnh danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực phù hợp với yêu cầu phát triển công nghệ, nhu cầu thị trường và mục tiêu của Chương trình.

- Định kỳ và khi kết thúc từng giai đoạn, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình về mức độ hoàn thành mục tiêu; kết quả làm chủ công nghệ, phát triển và thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược; hiệu quả sử dụng nguồn lực; tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và năng lực tự chủ công nghệ quốc gia; trên cơ sở đó đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh mục tiêu, nội dung, danh mục nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và nguồn lực thực hiện Chương trình. Tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2030 và tổng kết Chương trình khi kết thúc giai đoạn.

V. NGUỒN KINH PHÍ

1. Ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về công nghệ cao.

2. Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Kinh phí đối ứng của tổ chức chủ trì, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

- Kinh phí từ hợp tác quốc tế;

- Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Áp dụng cơ chế đặc thù đối với Chương trình

- Các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao, Nghị định số 260/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được quản lý theo mục tiêu, kết quả đầu ra và các mốc đánh giá; áp dụng cơ chế khoán chi theo kết quả đạt được tại từng mốc đánh giá gắn với sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ.

- Cho phép áp dụng đồng thời nhiều phương án nghiên cứu, nhiều hướng công nghệ hoặc nhiều giải pháp công nghệ độc lập để thực hiện cùng một mục tiêu phát triển công nghệ chiến lược; thực hiện đánh giá, sàng lọc theo các mốc đánh giá và chấm dứt đối với phương án không đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng cơ chế đặc thù về tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ đối với Tổng công trình sư, chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; tăng cường thu hút chuyên gia trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài có trình độ cao tham gia Chương trình.

- Ưu tiên đầu tư, khai thác, sử dụng cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định, đánh giá sự phù hợp, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp việc nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình và công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược hình thành từ kết quả thực hiện Chương trình được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược có ý nghĩa đặc biệt quan trọng mà các cơ chế, chính sách hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của pháp luật.

- Việc nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, chuyển giao, khai thác và sử dụng công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh hoặc liên quan đến bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Chủ trì quản lý, điều phối và tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch hằng năm và trung hạn; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình;

- Chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo quy định; chủ trì thẩm định các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược do bộ, ngành, địa phương đề xuất hoặc do Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện (đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng an ninh và động viên công nghiệp).

Chủ trì tổ chức thông báo, tuyển chọn, giao trực tiếp, tài trợ, đặt hàng; quản lý, kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình và kinh phí quản lý Chương trình, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Chủ trì xây dựng hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình; quy định tiêu chí đối với từng loại nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tài chính, nội dung chi và các hướng dẫn chuyên môn phục vụ tổ chức thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc quyết định áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội; cơ chế phối hợp liên ngành trong xây dựng, thẩm định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược khi cần thiết;

- Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 12 hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Chương trình; đề xuất điều chỉnh mục tiêu, danh mục nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và nguồn lực thực hiện Chương trình khi cần thiết.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

- Chủ trì xây dựng, đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở định hướng ưu tiên phát triển, lợi thế cạnh tranh và nhu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực, địa phương; gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tổ chức thẩm định theo quy định;

- Chủ trì tổ chức thực hiện và quản lý các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được cấp có thẩm quyền giao; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình thẩm định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ và kinh phí quản lý thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp theo quy định;

- Tổ chức tiếp nhận, quản lý, khai thác, ứng dụng và thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ; ưu tiên thử nghiệm, đặt hàng, mua sắm, sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 11 hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc phạm vi quản lý.

4. Thời gian thực hiện Chương trình

- Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035, gồm hai giai đoạn: giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn 2031 - 2035.

- Các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc Chương trình phải được phê duyệt, tổ chức thực hiện, nghiệm thu và thanh lý trước ngày 30 tháng 9 năm 2035, trừ trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định khác, làm cơ sở tổng hợp, đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình.

- Trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện Chương trình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Đối với các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã được gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện được tiếp tục thực hiện theo quy định của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở các đề xuất quy định tại khoản 2 Điều này là nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.✱

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Quốc Dũng